

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Vân.
- Ông Hoàng Ngọc Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đinh Văn L, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn C 3, TL, Thanh Hà, Hải Dương.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980

ĐKTT: Thôn C 3, TL, Thanh Hà, Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 7 M, phường X, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

* **Người làm chứng:**

- Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn C 3, TL, Thanh Hà, Hải Dương.

(*Tại phiên tòa anh L, chị T, bà Đ vắng mặt nhưng trước đó họ đã có đơn hoặc ý kiến đề nghị xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Anh L và chị T kết hôn vào ngày 13/7/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Hà, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2019 chị T đã bỏ vào Miền Nam sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện anh xác định không còn tình cảm gì với chị T nên đề nghị TAND huyện Thanh Hà giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Đinh Phương Nam sinh ngày 8/5/2005 và Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 4/3/2008. Khi ly hôn do con Nam đã thành niên và hoàn toàn khoẻ mạnh nên anh không yêu cầu giải quyết đối với con Nam; còn con Nhi hiện nay đang ở với chị T. Chị T xin nuôi con Nhi và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày ý kiến về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung như anh L đã trình bày nêu trên. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L nên nhất trí ly hôn với anh L. Về con chung, do con Nam đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị xin nuôi con Nhi và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, hiện con Nhi đang ở với chị. Về tài sản, công sức, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Đinh Thị Yến Nhi ý kiến nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

* Lời khai của người làm chứng bà Đinh Thị Đ thể hiện: Quá trình chung sống, vợ chồng anh L, chị T có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Về con chung: vợ chồng anh L có 02 con chung như anh L, chị T đã khai. Hiện cả hai con chung đều đang ở với chị T.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do các đương sự đều vắng mặt tại phiên họp hòa giải và trước đó họ đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227,

228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử anh L ly hôn với chị T. Về con chung: Giao con chung là Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 4/3/2008 cho chị T nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh L, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh L, chị T đã nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng nên anh L xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử anh L ly hôn với chị T là phù hợp với ý chí của các đương sự cũng như phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng anh L, chị T có 02 con chung là Đinh Phương Nam sinh ngày 8/5/2005 và Đinh Thị Yến Nhi sinh ngày 4/3/2008. Do cháu Nam đã thành niên và hoàn toàn khỏe mạnh, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với cháu Nam. Đối với cháu Nhi, HĐXX thấy rằng: Từ khi vợ chồng anh L sống ly thân đến nay, cháu Nhi vẫn ở với chị T, nay chị T xin nuôi con, anh L nhất trí, cháu Nhi cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cháu Nhi cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với ý chí của các bên đương sự và nguyện vọng của con chung. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, cần được chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Đinh Văn L ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Thị Yến Nhi, sinh ngày 4/3/2008 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005940 ngày 24/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; anh L đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Thuận Hà, Đắc Song, Đắc Nông
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung